

BAN TỔ CHỨC - CÁN
BỘ CHÍNH PHỦ
Số: 15/2001/TT-
BTCCBCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp

Thi hành Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định 68/2000/NĐ-CP). Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn thực hiện như sau:

I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG:

1. Cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp hoạt động bằng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, bao gồm:

1.1. Cơ quan hành chính Nhà nước ở Trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ở quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

1.2. Các cơ quan, tổ chức khác sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp quyết định việc áp dụng các quy định của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong cơ quan, tổ chức mình như Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân các cấp;...

1.3. Cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài gồm: cơ quan đại diện ngoại giao, phái đoàn đại diện thường trực tại tổ chức quốc tế liên Chính phủ và cơ quan lãnh sự;

1.4. Các đơn vị sự nghiệp hoạt động bằng kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp.

2. Công việc khác nói tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được hiểu là các công việc như: nấu ăn tập thể, tạp vụ, mộc nề, chăm sóc và bảo vệ cảnh quan trong cơ quan, tổ chức, đơn vị,...

3. Cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ ký hợp đồng để làm những công việc nói tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được điều chỉnh theo Bộ luật Lao động, Luật Dân sự và không thuộc chỉ tiêu biên chế, quỹ tiền lương của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Những người đã ký hợp đồng lao động trước khi có Nghị định số 25/CP, sau đó vẫn tiếp tục ký hợp đồng lao động và những người ký hợp đồng lao động dài hạn sau khi có Nghị định số 25/CP để làm các công việc nói tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đến nay có đủ điều kiện quy định tại Thông tư này thì tiếp tục thực hiện ký hợp đồng lao động, trừ trường hợp nói tại điểm 5 phần I của Thông tư này.

5. Không thực hiện chế độ hợp đồng đối với những người:

5.1. Làm bảo vệ ở các cơ quan Văn phòng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước; những người trực tiếp được giao công tác bảo vệ Kho bạc, Kho ấn chỉ thuế, Kho ấn chỉ hải quan;

5.2. Lái xe cho các chức danh quy định tại Điều 5, Điều 6 Quyết định số 122/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ;

5.3. Lái xe chuyên dùng chuyên chở tiền của Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước;

5.4. Những người đang làm công việc nói tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP nhưng đã được tuyển dụng vào biên chế trước ngày Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ có hiệu lực cũng chuyển sang chế độ thực hiện hợp đồng theo hướng dẫn của Thông tư này.

6. Những người đang làm các công việc quy định tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đã được tuyển dụng kể từ ngày Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ có hiệu lực cũng chuyển sang thực hiện chế độ hợp đồng theo hướng dẫn của Thông tư này.

II- KÝ KẾT, THỰC HIỆN, THAY ĐỔI, CHẤM DỨT, THANH LÝ HỢP ĐỒNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KHI HỢP ĐỒNG CÁC CÔNG VIỆC NÓI TẠI ĐIỀU 1 CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP:

1. Một số loại công việc theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ trong các cơ quan nói tại điểm 4 phần I của Thông tư này, được thực hiện thông qua ký kết một trong các hình thức hợp đồng sau đây:

1.1. Hợp đồng kinh tế: được ký kết giữa pháp nhân với pháp nhân và giữa pháp nhân với cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định của Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế;

1.2. Hợp đồng lao động: được giao kết trực tiếp giữa người lao động hoặc đại diện hợp pháp của người lao động với người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động;

1.3. Hợp đồng thuê khoán tài sản: được ký kết giữa bên giao tài sản và bên thuê tài sản theo quy định của bộ luật Dân sự;

1.4. Hợp đồng mượn tài sản: được ký kết giữa bên cho mượn tài sản và bên mượn tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự;

1.5. Hợp đồng dịch vụ: được ký kết giữa bên làm dịch vụ và bên thuê dịch vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

2. Việc ký kết, thực hiện, thay đổi, chấm dứt, thanh lý và giải quyết tranh chấp giữa các bên tuân theo các quy định hiện hành của Pháp luật về hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, hợp đồng thuê khoán tài sản, hợp đồng mượn tài sản và hợp đồng dịch vụ.

3. Mẫu hợp đồng được thực hiện theo các quy định hiện hành.

4. Trường hợp ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với cá nhân trực tiếp làm các công việc nói tại Điều 1 của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thì ngoài những quy định được ghi trong mẫu hợp đồng được ban hành kèm theo Quyết định số 207/LĐTBXH ngày 02 tháng 4 năm 1993 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,